

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 28

CHƯƠNG VIII: ĐỌC TỤNG

(Trong chương này Chánh Truyện có mười bốn vị, phụ có bảy vị)

1/ Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu thuộc Thái Nhạc, thời Nguyên Ngụy.

2/ Truyện ngài Thích Pháp Kiến trụ chùa Ngũ Tăng ở Ích Châu, thời Nguyên Ngụy.

3/ Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu, đời Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tử thuộc Long Sơn, My Châu, thời nhà Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngô ở Lam Cốc, thuộc núi Chung nam đời Đường.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Hiển trụ chùa Đạt Noa, nước Bách Tế.

7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường (Hong Viễn, Tăng An, Trí Diệp)

8/ Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước Thọ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngô ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

11/ Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Trí Chứng, Tống Công)

13/ Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Tuyền thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

14/ Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La-hán ở kinh đô, thời Tiền Đường (Pháp Đạt)

1- Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu:

Thích Chí Trạm là người ở Sơn Nhâm thuộc Tề Châu. Là đệ tử của tăng tôn ngài Lăng Công. Sư lập hạnh thuần hậu, ít việc ít nói, lấy nhân từ cứu giúp làm mục đích. Sư thường đến chỗ các loài cầm thú nhưng bầy đàn của chúng không bị náo loạn. Sư trụ chùa Hàm Thảo trong hang Thuý ở núi Nhân Đầu, chùa này do ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống lập ra. Sư lấp việc đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm thường nghiệp. Ngày Sư sắp qua đời, Sa-môn Bảo Chí tâu với vua Lương Võ Đế rằng: "Vị thánh tăng đã chứng quả Tu-đà-hoàn hiện trụ chùa Hàm Thảo thuộc huyện Nhậm núi Bắc Sơn, hôm nay đã nhập Niết-bàn!". Các hàng Đạo Tục ở Dương Đô nghe ngài Bảo Chí báo lời ấy, đều từ xa hướng về kính lễ. Nên Sư tịch trong sự tĩnh lặng không các dư não, an nhiên tắt thở, hai tay mỗi bên duỗi một ngón. Có vị Sa-môn người ở Tây Thiên Trúc giải rằng: "Nếu người chứng đắc Nhị quả thì duỗi hai ngón tay. Lấy đó để nghiệm thì Sư đã chứng đắc Sơ quả." bèn rước về an táng ở núi Nhân Đầu, xây tháp thờ, dùng than đá bùn đắp, các loài chim thú không dám đến làm dơ bẩn, đến nay vẫn hiện còn.

Tại chùa Ngũ Hâu ở Phạm Dương, có vị Sa-môn mất tên họ, thường tụng Kinh Pháp Hoa. Lúc mới tịch, tạm an táng ở dưới bờ đê, sau dời cải táng, xương cốt đều khô hoại, chỉ còn chiếc lưỡi không hư rã.

Dưới thời Vua Võ Thành Đế (Cao Chạm 561-565) thời Bắc Tề, cạnh núi Đông Phán ở Tinh Châu, có người đào đất, thấy một chỗ đất màu vàng nhạt, so với bên cạnh có sự khác lạ, sau đó thấy một vật hình dáng như hai cái môi, bên trong có một chiếc lưỡi màu đỏ hồng tươi đẹp, bèn tấu trình sự việc ấy lên vua. Vua hỏi các vị thông hiểu, không một ai biết được. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng tấu trình rằng: "Đó là tướng của người trì tụng Kinh Pháp Hoa được quả báo sáu căn không hư hoại, tụng đủ số ngàn biến thì có điềm ứng nghiệm như thế." Vua bèn ban sắc cho Trung thư Xá Nhân Cao Trân rằng: "Ông là người tín hướng, tự đến đó xem chắc chắn có linh dị, nên rước về tôn trí chỗ thanh tịnh, thiết trai cúng dường." Cao Trân vâng sắc đến đó, nhóm họp các vị Sa-môn thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, khiết trai thanh tịnh, bưng lò hương đi nhiều quanh mà chú nguyện rằng: "Bồ-tát nhập Niết-bàn thời gian đã lâu, lưu hạnh trong thời Tượng Pháp, mong không sai lầm, xin hiện cảm ứng: "Vừa nói như thế thì môi lưỡi ấy đồng một lúc chuyển động, tuy không phát ra tiếng, nhưng trông hình tướng dường như đang đọc tụng. Mọi người trông thấy không ai chẳng nổi ốc. Cao Trân bèn

viết trạng văn tấu trình lên vua, vua ban sắc bảo làm hộp đá, tôn trí vào trong đó rồi rước về hang núi.

Lại nữa, dưới thời Nguyên Ngụy ở Bắc Đại, có Thiên sư Thừa là người thọ trì Kinh Pháp Hoa siêng năng chẳng biếng trễ. Sau khi thị tịch thác sinh vào nhà Họ Tiết ở Hà Đông làm người con thứ năm. Vừa sinh ra đã nói được ngay, tự tỏ bày về việc ở đời trước, chẳng muốn sống trong thế tục. Cha Sư là người đang làm chức Thứ sử Tứ Châu ở phương Bắc, Sư bèn theo cha đến chùa Thất Đế ở trong núi, sau đó, gặp được vị đệ tử ngày trước. Sư bảo rằng: “Ông có nhớ việc theo tôi qua sông đến Lang Sơn không? Thiên sư Thừa tức là thân ta, bàn thờ trong phòng nên mau dẹp bỏ đi”. Cha mẹ Sư sợ Sư xuất gia, bèn cùng đưa về nhà. Sau đó, Sư quên hẳn mọi việc ở đời trước mà thường sinh tâm niệm chán, thường sống trong sự tĩnh lặng.

Vào những năm đầu niên hiệu Thái Hòa(477) thời Bắc Ngụy, ở Đại Kinh,có vị Hoạn quan tự bù người xót thương dư hình, không bằng mọi người, bèn tấu trình xin vào núi tu đạo, vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành) có ban sắc chấp thuận cho vị Hoạn quan ấy bèn mang theo một bộ Kinh Hoa Nghiêm, ngày đêm đọc tụng lễ sám không nghỉ. Đầu mùa Hạ vào núi, đến cuối tháng sáu thì râu tóc đều mọc trở lại tướng trượng phu. Bèn từ xa viết trạng văn tấu trình về. Vua Cao Tổ tin kính, bỗng thấy kinh hải ngờ lạ càng gấp bội thường ngày. Bấy giờ, cả nước chỉ một bộ Kinh Hoa Nghiêm nhờ đó mà càng hưng thịnh. Sự tích này thấy trong “Hầu Quân Tố Tĩnh Di Ký”.

2- Truyện ngài Thích Pháp Kiến, ở xứ Ngũ Tăng ở Ích Châu:

Thích Pháp Kiến, là người xứ Lạc Huyền thuộc Quảng Hán, họ Chu. Sư đọc tụng một ngàn quyển kinh. Nhưng có lúc nhàn rồi, Sư vào trong thế tục không khác biệt gì, bỗng nhiên Sư trở lại đóng cửa nhiều ngày không ra, chẳng ăn uống gì. Chỉ nghe Sư tụng kinh mà lời tiếng nhỏ nhẹ ngâm nga không vang ra ngoài. Có người đến kê tai sát vách trộm nghe thì chỉ nghe găng gỏi lý trí dường như nhả sóng của dòng nước nằm úp. Lúc mới phát ra thì đuổi theo không nghe.

Bấy giờ, Võ Lăng Vương theo hướng Đông đi xuống, bảo em là Quy trấn giữ Ích Châu. Nhà Ngụy sai Tướng Quân Uất Trì Huýnh đến đánh đất Thục, quy đã hàng phục khoản. Khắp trong thành, các bậc danh tăng đều bị bắt cấm. Đến tối bỗng thấy phát ra ánh sáng rực rỡ. Huýnh bèn sai người tìm theo ánh sáng, mới thấy chư tăng đều ngủ chỉ riêng mình Sư ngồi thẳng tụng kính, ánh sáng đó từ trong miệng Sư

phát ra. Huýnh nghe thế, tự đến chỗ Sư, đánh lễ ngồi nghe, đến sáng sớm mới nghỉ. Huýnh hỏi Sư rằng: “Đêm qua Pháp sư đọc tụng đó là kinh gì?” Sư đáp: “Tụng Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ mười trong pho hạ”. Huýnh hỏi: “Pháp sư tụng đã được bao nhiêu quyển?” Sư đáp: “Bần đạo phát tâm muốn tụng đọc một tạng kinh. Nhưng tâm còn nhiều biếng trễ nên nay mới được một ngàn quyển”. Huýnh kinh nghi không tin, muốn thử Sư nên bảo rằng: “Chịu tụng tất cả một biển, không tổn nhọc ư?” Sư đáp: “Tương tục đọc tụng kinh điển là việc thường của Sa-môn, đâu sợ khổ nhọc”. Huýnh bèn bày tòa cao, bảo tất cả chư tăng đều cầm bản kinh dò nghe theo. Sư lên tòa đọc tụng, hoặc dường như dòng nước đổ mau từ núi cao xuống vực thẳm, Sư nhả nạt âm cú hít thở hơi khí như loại gió trong lành vào thông cao. Người thông minh vừa nghe được dư âm, kẻ sơ tình vượt ý như ngóng giữa hư không luẩn quẩn mây trần. Suốt bảy ngày bảy đêm thì đủ số một ngàn quyển, Sư còn cố chẳng ngưng. Huýnh đứng dậy lễ tạ thưa rằng: “Đệ tử lo việc Bình tướng không được dừng ở lâu dài, xin ngay đây được từ giả!” Chư tăng nhân đó đều được thả hết. Sau khi ra rồi, Huýnh than thở rằng: Sau khi Đức Như Lai diệt độ, Tôn giả A-nan là người được gọi là Tổng Trì, há có thể hơn Sư ư? Trong đất Thục mới có người như thế, do đó, thường được bảo trọng an vui, thật kỳ đặc thay! Kỳ đặc thay!”

Về sau, Sư thị tịch lúc tám mươi tuổi.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đế ở Ích Châu:

Thích Tuệ Cung, là người xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Chu. Đến cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp bị phá hủy. Sư cùng Sa-môn Tuệ Viễn ở chung chùa đồng kết bạn siêng năng tu học. Ngài Tuệ Viễn đi thẳng đến Trường An tìm cầu tham học. Còn Sư thì đến Kinh Dương hỏi đạo. Ngài Tuệ Viễn ở kinh đô, nghe học Luận A -tỳ-đàm, Ca-diên, Câu-xá, Địa Trì, Thành Thật, Tỳ-bà-sa, Nhiếp Đại Thừa, v.v... đều thông hiểu rồi về lại Ích Châu giảng dạy, cao vợ khác thường nên rất được các hàng Đạo tục kính trọng, dâng cúng rất nhiều.

Sau đó, Sư theo đường Giang Biểu trở về, hai người gặp nhau vui mừng hân hoan. Cách biệt nhau đã hơn ba mươi năm, nên cùng nghỉ lại qua vài đêm, nói chuyện đàm đạo. Ngài Tuệ Viễn nói năng như thác tuôn đổ, còn Sư nín lặng không hề nói một lời. Ngài Tuệ Viễn hỏi Sư rằng: “Xa cách nhau thời gian đã lâu, nay được gặp nhau, Sư mừng vui này hân hoan như hội, làm sao có thể bần, nhưnh sao Nhân giả không nói năng gì, hay là chẳng được vô sở đắc ư?” Sư đáp rằng: “Vì tánh

ám độn yếu mềm nên đều không hiểu biết gì cả!” Ngài Tuệ Viễn nói: “Lớn lao thì không hiểu được, chứ há không tụng được một bộ kinh ư?” Sư đáp: “Chỉ tụng được một quyển Kinh Quán Thế Âm thôi.” Ngài Tuệ Viễn nghiêm sắc mặt nói: “Kinh Quán Thế Âm, trẻ con đều có thể tụng đọc được, đâu phiền nhọc đến người lớn ư? Vả lại, nhân giả xuất gia từ tuổi nhỏ cùng Tuệ Viễn tôi đồng lập thế nguyện mong chứng đạo quả. Há lại hơn ba mươi năm chỉ tụng được một quyển kinh bằng cở ngón tay, đó chẳng phải là ám độn cũng bởi lười biếng tạo nên, xin đoạn giao và mong Pháp sư hãy sớm rời khỏi nơi đây để đỡ tăng phiền não đối với Tuệ Viễn tôi.” Sư nói: “Quyển kinh tuy nhỏ, nhưng từ miệng Phật nói ra. Nếu người vâng kính thì được phước vô lượng, còn người xem thường khinh mạn thì mắc tội vô lượng. Cúi mong tạm dừng tâm sân, tôi sẽ vì Pháp sư mà tụng một biến để già biệt mãi mãi!” Kinh Pháp Hoa, Tuệ Viễn tôi đã giảng qua số trăm biến, vì sao lại muốn làm náo loạn tai người ư?” Sư nói rằng: “Ngoại thư có nói” người có khả năng mở mang Đạo, chẳng phải đạo mở mang người.” Chỉ nên dốc lòng lắng nghe lời Phật, đâu được vì người mà bỏ Pháp ư?” Bèn ở trước sân lập đàn, trong đàn an trí tòa cao, Sư đi nhiều quanh đàn vài vòng, đánh lễ rồi lên tòa cao. Ngài Tuệ Viễn bởi việc chẳng đặng đứng nên ngồi trên giường người Hồ ở phía dưới, để lắng nghe. Sư vừa xướng tựa Đề kinh thì có mùi thơm lạ lan tỏa khắp phòng. Đến lúc Sư tụng vào văn kinh thì trên trời trỗi nhạc, rải bốn thứ hoa như mưa. Nhạc thì xa rõ vang vọng giữa hư không, hoa thì như tuyết lả tả rơi khắp đất. Tụng Kinh xong, xuống tòa, Sư tự mở tòa phạm xong rồi thì hoa nhạc mới dứt. Ngài Tuệ Viễn liền ôm chân Sư mà đánh lễ, dòng lệ tuôn rơi, sám tạ rằng: “Tuệ Viễn tôi như cây chết đờ bản dấm đi dưới mặt trời, xin tạm lưu lại ban cho lời dạy răn!”. Sư nói: “Chẳng phải khả năng của Tuệ Cung tôi, mà là oai lực của Chư Phật!”. Và ngay ngày đó, Sư rũ áo vái chào, men theo dòng nước mà đi.

Sau đó, có người hỏi, nhưng không ai biết Sư đi đâu, ngôi chùa đó từ lâu đã đổ nát.

4-Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tỳ thuộc Long Sơn, My Châu:

Thích Pháp Thái, là người huyện Long Sơn, họ Lã. Lúc đầu, Sư làm Đạo sĩ hơn mười năm, đến tuổi trung niên, bỗng nhiên Sư tự ngộ hồi tâm về chánh giác, nhân đó bèn xuống tóc xuất gia.

Ban đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, bỗng nhiên được lợi, bèn

tin tức viết chép được một bộ Kinh Pháp Hoa, có vài lần ứng hiện điềm linh, Sư muốn đem đến Ích Châu để tô điểm nên nhờ một người mang gánh đi, một đầu là rương tráp đựng đầy hai ngàn quan tiền, bó buộc kinh đặt để trên tiền, một đầu là y phục. Vừa gánh đi đến vùng đất tên là Tạc Kiều, bỗng nhiên cầu bị gãy, Sư đang đi theo sau, còn người mang gánh bị rơi xuống nước, người nổi được lên khỏi nước, còn gánh chìm mất không thấy. Sư đứng trên bờ đấm ngực gào khóc rằng: “Tiền bạc và y phục đâu phải là nhân sự, sao bỗng nhiên chìm mất kinh?” và liền lớn tiếng tuyên bố rằng: “Nếu ai tìm vớt lên được, sẽ thưởng tặng hai ngàn quan tiền.” Khi đó có người nghe thế, bèn cởi áo nhảy xuống nước tìm kiếm qua mấy lần, ra vào chỉ có được tiền và y phục, chứ không tìm thấy kinh. Sư lại càng buồn khóc, đi quanh trên dưới bờ, trông thấy trên bãi đất nhỏ có một cái khăn, bảo người đến lấy xem, thì đó chính là kinh được các thứ cây cỏ nâng đỡ lên, khô ráo không một chỗ thấm ướt. Sư không ngăn nổi sự vui mừng, liền đem hai ngàn quan tiền đó thưởng tặng cho người giúp vớt tìm. Người ấy nói: “Pháp sư buồn khóc quá lắm, như chịu tang cha mẹ, cho nên tìm gấp, chẳng phải đệ tử tham tiền. Tuy là hạng người tầm thường nhưng cũng biết phước báo, nên xin sung đặt số tiền ấy vào việc trang nghiêm.” Nói xong liền trốn đi mất, Sư xoay lại muốn nói thì người ấy đã đi xa rồi. Sư bèn đến Thành đô để trang hoàng, dùng gỗ Đàn hương làm trục, bên ngoài mang đến pho và hộp, đem về trong Bốn tự thờ riêng ở một nơi. Đêm đêm có mùi hương lạ. Sư siêng năng trì tụng mỗi đêm một biến.

Bấy giờ, có Pháp sư Bưu đang giảng tại chùa đó, ban đêm muốn đến xem Sư đọc tụng, thường ganh ghét Sư náo loạn tâm mình, tự muốn sang xin Sư giảm bớt âm thanh, mới thấy trước mặt Sư có rất nhiều người đều quỳ thẳng chấp tay. Pháp sư Bưu bèn lùi lại, khắp nơi đổ mồ hôi, và liền dời chỗ ở. Về sau, Sư tịch lúc tám mươi tuổi.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ ở Lam Cốc:

Thích Tuệ Siêu, họ Thâm, người ở xứ Kiến Khương thuộc Đan Dương. Sư có bản chất ôn hòa rộng rãi, lập tánh hoài nhân.

Từ lúc còn nhỏ, Sư đã nhàm chán thế tục. Sau khi xuất gia, Sư chuyên đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Nghe Thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu là người đã tỏ ngộ Nhất Thừa, khéo thông hiểu ba Quán, nên Sư cùng với ngài Trí giả ở núi Thiên Thai và Mạng Công ở Tiên Thành dốc chí tìm sâu, qua nhiều năm cầu học, Sư có được hạnh nghiệp ưu việt, trí tuệ cao xa, đức trùm cả các bậc Hiền giả đương thời,

nên ngài Tuệ Tư đối trước đại chúng bảo rằng: “Thần Phủ của Tuệ Siêu là người đặc Nhẫn!”. Đến lúc đi đến Hoàn lãnh, lại cùng đồng đường lưu lại tụng kinh. Sư dừng ở chớng đời năm tháng. Từ đầu đời Tỳ mở mang nghiệp định, từ phương Bắc Sư đến Tung Cao, chỉ ăn bánh bột thuốc, ngồi thiền, mong lời đến trọn đời già lão. Có Thái tử Dũng thỉnh mời nhóm họp các bậc danh đức đều tụ hội tại Đế thành, vì Sư là người có hạnh nghiệp cao vượt khác thường nên rất được đặc biệt lưu tâm cúng dường. Mà Sư cẩn trọng ngưng nhiếp, chẳng đoái hoài đến vinh hoa ở đời. Đến lúc Thái tử Dũng bị phế miễn, Sư không một liên can gì.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Định Thủy, cao bày đức âm, nên các hàng đạo tục đều quy về kính ngưỡng giới Phạm của Sư. Pháp Sư Tịnh Nghiệp dự định trụ chùa Chân Ngô ở Lam Cốc kính trọng Sư có đạo hạnh nên đích thân đến đón rước, cùng ẩn cư suốt tám năm, Sư càng chuyên cần gấp bội về ba tuệ. Đến niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, chùa Đại Thiên Định bắt đầu xây dựng Vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn phát chiếu thư thỉnh Sư vào hành đạo, Sư từng lấy cớ châm kim đá để chữa bệnh mà từ chối. Sau đó, Vua chấp thuận để Sư trở về núi. Đức hạnh Sư cảm đến chúng sinh, rất còn cấp dẫn, các hàng quý vọng ở Tứ Xuyên, Quan dân cả huyện không ai chẳng đầu thành thỉnh Sư lưu truyền hương đức, đồng thời làm Già-lam Kinh Thủ kế tiếp hợp dâng gạo thóc. Đến đầu thời Tiền Đường, sự vẻ vang của Sư càng hơn trước, nên các bậc danh tăng ở Kinh Ấp như Sa-môn Tuệ Nhân, Bảo Cung, v.v... tâm kính mến đều đến nương nấu, dưới bóng thông che nằm nghiêng trên đá luận bàn về Đạo nghĩa. Các vị đều nói: “Đây mới thật là Pháp Lạc xuất yếu!”. Về sau, Sư bị bệnh một thời gian ngắn. Các Đệ tử quỳ hỏi, Sư đáp: “Tôi vẫn thường, sống lâu không mừng, tối chết chẳng lo!”. Bèn xoay mặt về hướng Tây, ngồi ngay ngắn, bảo rằng: “Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh Trí Quán”. Nói như nhập Định, giây lâu thì Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng sáu tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường.

Để nhục thân Sư giữa khoảng thông đá hơn một tháng, mà sắc da không biến đổi. Thiên Sách Thượng Tướng nghe thế, khen ngợi ít có, và sai phái người đến xem, thấy Sư ngồi thẳng khoanh tay như lúc còn sống. Từ năm chín tuổi, Sư vào đạo, liền trì tụng Kinh Pháp Hoa suốt hơn năm mươi năm tất cả có hơn vạn biến, cảm ứng linh dị, có được các điềm lành không thể nói hết. Các đệ tử của Sư như Sa-môn Pháp Thành, v.v... xây tháp trắng trên núi ở phía bắc chùa.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Hiền trụ chùa núi Đạt-noa ở nước Bách-tế:

Thích Tuệ Hiền, là người nước Bách-tế, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư khổ tâm tinh chuyên, lấy việc trì tụng Kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp, cầu phước thỉnh nguyện có lắm điều thành đạt. Nghe có nơi giảng tam luận Sư bèn theo thọ học, giáo pháp vừa nhập thần thì càng thêm đầu mối.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Tu Đức ở miền Bắc của bốn Quốc. Lúc có chúng đông thì giảng, không có chúng thì trì tụng. Mọi người khắp bốn phương xa nghe đạo phong của Sư kéo nhau đến núi thưa hỏi tiếp nhận. Sư bèn đến phương Nam ở núi Đạt-noa. Núi đó rất sâu hiểm, nhiều lớp xoắn quanh lên đỉnh vững chắc. Giả sử có ai đến leo lên cũng lắm gian nguy. Sư tĩnh tọa trong đó, chuyên nghiệp như cũ, sau Sư thị tịch tại đó. Các bạn đồng học rước nhục thân Sư đến đặt trong hang đá, hỏ đến găm ăn hết cả thân cốt. Chỉ lưu lại đầu lâu và chiếc lưỡi, trải qua ba năm chiếc lưỡi ấy càng đỏ hồng mềm mại, về sau mới biến đổi sắc da mầu tím như đá. Các hàng Đạo tục lấy làm lạ mà kính trọng, bèn đem tôn trí bít lại trong tháp đá.

Sư thị tịch năm năm mươi tám tuổi, nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu:

Thích Đạo Tích, là người đất Thục trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu. Sư tụng đọc thông suốt Kinh Niết-bàn, lúc bình thường, Sư lấy đó làm hạnh nghiệp thường.

Hễ lúc nào giảng dạy thì trước tiên, Sư tắm gội thân mình đắp mặc pháp y thanh tịnh, lên pháp tòa rồi mới mở bày. Sư lập tánh trầm lắng tư duy, chuyên làm việc nhân từ. Những nơi có các thứ bệnh tật dịch lệ thối tha, hơi khí ấy lại bốc nồng, mọi người đều bịt mũi, mà Sư cùng gần gũi để cung cấp chăm sóc, thân tâm không hai. Hoặc sử dụng ăn mặc chung với họ, hoặc vì đắp vá tẩy rửa. Lúc có người hỏi, Sư đáp: “Thanh tịnh hay dơ bẩn đều do tâm ưa ghét, tôi đâu một niệm thân lự ư? Phải nương cậy đó mà đào luyện”. Mọi người đều kính mến việc làm của Sư mà bệnh hoạn chẳng hề xâm nhập vào Sư.

Đến tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước thành, thọ hơn bảy mươi tuổi. Bấy giờ, đang lúc mùa Hạ nóng đốt mà nhục thân Sư không thối rửa, lưu lại cả

trăm ngày mà vẫn ngồi kiết già như lúc ban đầu, mọi người đều khen ngợi kính ngưỡng, bèn đến sơn phết. Sinh tâm cung kính từ Ba thực đến Kinh ấp, chư tăng thọ trì Kinh Niết-bàn, số ấy chẳng ít.

Lại có Sa-môn Hồng Viễn, Tăng Ân đều là những vị trì tụng Kinh Niết-bàn, mà các hàng đạo tục đều quy hướng. Ngài Hồng Viễn chí chuộng thuần ân, tâm tình xả bỏ tất cả lợi danh, được cử vào chùa Hội Xương, cung cấp lễ trọng. Ngài Tăng Ân đạo tâm thanh tịnh trang nghiêm, tạo thành tiết tháo làm rung động lòng người. Cả hai chùa Hoằng Phước và Thiên Định đều tôn sùng đức hạnh của Sư. Mà ngài nhún mình tự xử, các hàng thế tục ít biết.

Bấy giờ, tại chùa Hoằng Phước cũng có Sa-môn Trí Hoa, Sư vốn giòng họ ở Giang Biểu, dưới đời Tuỳ được mời vào. Sư rất ưa thích Kinh Pháp Hoa, Trấn thường sao viết. Các vật ngoại lợi có được, Sư đều dùng bố thí cho mọi người. Trước sau, Sư xuất ra có hơn hai ngàn bộ kinh. Thân Sư tự cố gắng mỗi ngày viết chép năm trang giấy. Đến tuổi già yếu, hạnh nghiệp ấy Sư vẫn không biếng trễ. Hiện nay, Sư đảm nhiệm tất cả công việc chùa, lại càng siêng năng hạnh nghiệp thường ấy, nay Sư đã hơn bảy mươi tuổi.

8- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước thọ ở Ích Châu:

Thích Bảo Quỳnh, họ Mã, người ở xứ Miên Trúc thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thanh bạch kiệm ước. Sư đọc tụng Kinh Đại Phẩm cứ hai ngày một biến, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Sư đến khắp ấp lạc, không có phương thuật gì khác, chỉ khuyên mọi người quy hướng tôn kính Phật Pháp.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Phước Thọ ở Châu Trị, dẫn khuyên khắp thành quách, xóm ấp làm đầu. Sư thường kết mỗi ấp ba mươi người, cùng nhau hợp tụng Kinh Đại phẩm mỗi người một quyển. Mỗi tháng thiết trai một lần nhóm họp tất cả, mọi người đều y theo thứ lớp mà tụng, như thế tại Nghĩa ấp mới đủ ngàn kế. Khắp bốn phương xa mọi người nghe thế đều đến tham dự. Sư nhân cơ duyên mà trao truyền khai hóa. Nhìn đạo phong của Sư, không ai chẳng kính phục. Nhưng Sư nhún mình, tự giữ trước người sau mình, kính hành bút chợt, mọi người dưới đường đều tránh né. Nói hỏi đối đáp, lời lẽ vui vẻ khiêm kính, đó là thật lượng, chẳng dua nịnh theo thời.

Bốn ấp của Sư giáp với các huyện Thập Phương, v.v... đều là Đạo Dân (tín đồ của Đạo giáo) chẳng kính tin Phật Pháp, Chư tăng có đến

nường nhờ, đều không dung chứa ban thí, đến nỗi khiến mọi người già trẻ đối với tôn tượng Sa-môn mà không nhận biết thì có rất nhiều. Sư tuy là người thuộc xứ ấy nhưng vì tập tục khó thay đổi, có nhọc khai ngộ cũng khó thọ nhận. Các dòng tộc họ Lý mở các Đạo Hội thỉnh Sư đến tham dự. Sư đến đã sau, lại không kính lễ mà ngồi. Mọi người đều cho rằng: “Sư kính lễ Thiên tôn tức là trái pháp.” Sư bảo: “Đạo tà chánh có khác, nên sự kính trọng mỗi đạo cũng có khác. Đối với Trời tôi còn không lễ bái, huống gì là Lão Quân”. Mọi người bàn luận lăng xăng rất đổi xem thường. Sư bảo: “Tôi lễ bái người chẳng đáng lễ bái, sợ chuốc lấy điều nhục.” Sư bèn lễ một bái, Đạo tượng và tòa đều lay động không an. Lại lễ thêm một bái, tòa liền sụp đổ xuống đất. Đạo dân thấy vậy là do gió thổi mạnh và sửa lại ngay ngấn. Sư bảo: “Đó là do tôi làm, chớ oán trách gió”. Lúc đầu mọi người chưa tin, khi đã đặt lại ngay ngấn, Sư lại lễ bái, cũng đổ ngã tất cả như trước. Cả chúng đều kinh sợ, chắp tay lễ kính Sư, cùng một lúc xoay chuyển niềm tin, theo thọ quy giới. Các Đạo Đẳng ở huyện lân cận đều khen ngợi, đều kính tin Phật pháp. Bấy giờ, đã mở đầu khai hóa Phật giáo, mọi người đều thọ giới Bồ-tát. Huyện Lệnh Cao Đạt vốn có tâm thành kính, nhân phong hóa ấy mà mở mang Phật Pháp dẫn dắt mọi người. Lại đến các chùa trong châu thỉnh mời chư tăng giảng dạy. Khắp vùng đều đượm Pháp vị, từ đó phát triển lớn mạnh.

Đến niên hiệu trình Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư tịch tại chùa Sư ở.

9- Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn:

Thích Thiện Tuệ, họ Tuân, người ở đất ôn thuộc Hà Nội. Sư thông hiểu nhiều thứ sách vở, bao gồm tất cả Văn nghĩa, cho đến cửu chương Luật lịch, thất diệu doanh hư, Sư đều nằm lòng, chỉ lòng bàn tay phù hợp. Sư bèn tư duy sâu xa, tất cả mọi việc, ở đời cuối cùng đều rơi vào hoại diệt, bèn cởi bỏ áo đẹp, đồ trang sức, bắt đầu quy hướng Chư tăng.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Bành Thành ở Trừ Châu, tụng đọc Kinh Pháp Hoa, học Luận Nhiếp Đại Thừa. Bấy giờ, gặp lúc giặc cướp lan tràn, đói kém hoành hành, nhưng Sư ân giữ sự đói khổ, tự cố gắng thanh tịnh, càng sáng sủa hơn ngày thường. Nhưng vì thôn ấp ở nơi biên địa, ít học chữ nghĩa, còn như âm cổ mà mọi người luận bàn rối rắm. Tuy là tục ngữ thì thông mà ý Sư lại nhã chánh. Thưa hỏi khắp các bậc thông minh tỏ ngộ thì lại đồng với nghi xưa. Nên khoảng cuối niên hiệu Đại

Nghiệp (617) đời Tùy, Sư mang tích tượng theo đi về hướng Tây, gặp phải bọn cướp lấy xiêm y sắp hết, Sư chỉ còn chiếc áo vải bố thô xấu để che mắt, vẫn ôm bình bát bị bể, thường sung vào vật tịnh để thọ dụng. Đã đến cửa quan ải, vốn thiếu dấu hiệu văn, Sư bèn giữ chánh niệm bước thẳng tới, đi theo cửa. Bấy giờ, trong ngoài đều sắp bày mũi nhọn, không hề ngăn dừng.

Vào đầu tháng mười, Sư đến kinh đô, gặp lúc Sa-môn Cát Tạng đang giảng Kinh Pháp Hoa, rất xứng hợp với bốn đồ, Sư bèn nường tựa nghe học. Hình phục Sư đều rách xấu, mọi người đều không nhận, Sư bèn quét dọn đất, chỉ mặc quần đơn để ngồi. Đô giảng vừa xướng, Sư lắng nghe từ cú, phỏng định về văn Kinh. Ngài Cát Tạng đã nêu lên, tâm Sư mạnh mẽ tiếp nhận yếu chỉ, mong thông lý nghĩa, do tình còn hai được, chẳng rảnh chịu lạnh, vui cười hớn hở như mua được vật báu. Đến hết mùa đông, Sư vẫn thường như thế. Đại chúng bèn khen ngợi, hỏi về văn từ yếu chỉ, Sư không quên sót một mảy may. Sư nghe Pháp đồng thuộc chùa Thiên Định, Sa-môn pháp hỷ cởi áo đón đón rước dẫn đến trong phòng. Trí quán không lạm, Sư lại cùng ngài Pháp Hỷ, hai vị cùng nêu bày khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức thời Tiền Đường, Sư đến trụ chùa Tân Lương ở Lam Điền, phong tục ở đó vốn Ly Nhung, chống trái lẫn nhau, Sư bèn dẫn giúp đào luyện chuyển hóa, trong mười nhà có hết chín nhà. Nhưng tánh Sư mến thích anh hiền, ưa thích kéo đến, từ hướng tây đến hướng đông có hơn trăm dặm, các chốn núi rừng có tiếng tăm, vùng đất có thắng cảnh đều xây dựng Thiền phường. Do đó mà những người trốn lánh đều nường tựa đó mà an ở.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại tinh xá Lương Tuyên thuộc phía Nam Ly Sơn, thọ bốn mươi chín tuổi. Mới đầu, Sư ném bỏ sách vở thế tục, tới chỗ khuôn phép này, nói năng chẳng lập lại, chuyên tâm với đạo nghiệp, ít nói giảm ăn, giữ luật, nhớ Nhân, đón rước lễ khách, nhã trọng kinh giáo, Sư không hề hầu thăm, cần tâm gần xét, như gặp hạnh yếu, nhiều ngày trì tụng để làm nền tảng của huân tập.

Bấy giờ, tại Thái Nguyên có Sa-môn Tuệ Đạt cũng tụng Kinh Pháp Hoa hơn năm ngàn biến, oai nghi cử chỉ âm thanh không ngưng nghỉ. Riêng bảo tồn vật mạng, đi thẳng nhìn xuống, nếu dưới đất có các loài sâu trùng thì Sư lánh mình tránh né. Không dám giẫm đạp qua. Nếu có người hỏi, Sư đáp rằng: “Các chúng sinh ấy cùng với tôi sinh tử bất định, nếu không trước thành Chánh giác, thì đâu thể vọng khinh thường?”

Đến tháng bốn mươi Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già thị tịch. Mọi người cho rằng Sư đang nhập định, bèn để yên trải qua năm đêm, dường như Sư đã thị tịch, lại chẳng thối rửa, bèn tôn trí trong hạng.

10- Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngô ở núi Chung Nam:

Thích Pháp Thành, họ Phiên, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Từ thuở nhỏ, Sư xuất gia nương tựa chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, thờ Sa-môn Tăng Hòa làm thầy. Ngài Tăng Hòa là người rất được mọi người trong hương tộc kính trọng, phụng thờ như bậc Thánh. Từng có người muốn hại, ban đêm đến phòng Sư, thấy phía trong cửa có lửa mạnh cháy sáng lên trên màn trướng, liền rút lui. Tánh ngài Tăng Hòa thích uống nước suối trong thanh khiết, có người đùa bỡn đem xương Dê ngâm trong nước, ngài vốn không biết nôn uống vào liền bị ói. Đó là thâm cảm nhận biết là như thế.

Sư vâng theo sự dạy răn, siêng gắng đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm việc thường. Sư lại đến bái yết Thiền sư Tượng ở chùa Thiền Lâm, học về Định hạnh, Đức của Sư lớn tốt, mọi người đương thời đều tôn kính, tu học lại ưu việt, đại chúng đều quy ngưỡng. Về sau, Sư đến trụ chùa Vân Hoa làm giềng mối chính lý tăng chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng đức hạnh Sư, thỉnh vâng theo giới phạm, Sư bèn dâng biểu cố chối từ, buông lời kháng lễ, bèn mang tráp sách rong ruổi, đi khắp các Danh nhạc, tìm vết bạn ưu thắng, đều tiếp thừa chí đạo, nhân gặp được Siêu Công ẩn cư nơi sâu vắng, Sư bèn kết tâm mong nương gá ở Lam Cốc. Chỗ đất nhỏ hẹp, chỉ để được một chiếc giường, xoay chuyển kinh hành sợ nghiêng đổ xuống vực sâu. Sư bèn chẻ vết mở rừng, vạch mây gá cảnh, dùng cỏ tranh tu bổ rui cửa chỗ sơ, tình sự cùng nương nhau, an nhiên phù hợp. Nay gọi là chùa Chân Ngô. Với Pháp Hoa Tam-muội, ngài dốc lòng phụng hành, gột rửa trong ngoài, ôn cùng sớm tối, Mộng Cảm Bồ-tát Phổ Hiền khuyên viết Đại giáo. Sư nói: “Đại giáo Đại thừa là trí tuệ của Chư Phật, đó chính là Bát-nhã.” Liền ngay đó, Sư nhập tịnh hành đạo. lại ban cho Tượng nhân viết tám bộ Bát-nhã. Đài hương trụ báu trang nghiêm thành tựu. Lại đến đánh núi rộng ở phía Nam chùa xây dựng giảng đường Hoa Nghiêm, phía hữu gần đến Tà Cốc, tuôn nhả mây mốc, nhìn xuống dưới là sấm sét, (Đạo Tuyên) tôi từng đi đến đó, thật là kỳ quan.

Sư lại dốc hết tinh chí viết chép thọ trì. Có Hoàng Văn Học Sĩ

Trương Tĩnh là người đương thời gọi là “Bút Công” (thợ viết) ít có ai hơn được. Sư bèn mời đến phòng nhà ở núi, bảo thợ trì trai giới, khiết tịnh tự tu, miệng ngậm nước thơm, thân mặc y phục mới, nhưng Trương Tĩnh dường dài viết kinh, chưa đầy năm mươi mốt. Sư liệu sự thấy ấy, vừa mới viết được vài trang giấy, liền đáp trả cho đó năm trăm. Trương Tĩnh có được lợi của vật ấy nên dốc sức ghi chép. Từ khi trọn Bộ hoàn thành đến nay, Sư thường mỗi ngày đốt hương cúng dường. Ở trước bàn án ấy, trong khoảng giây lát, tâm duyên mắt trông nhìn, tất cả không sai sót, nên Sư khắc tâm chuyên chú. Bấy giờ, cảm có một con chim hình sắc khác lạ ít có ở đời bay vào trong phòng nhà bồi hồi cổ vũ, sà xuống bàn kinh, lại nhảy lên trên lò hương, Sư vẫn nhiếp tĩnh trụ quán, tự nhiên con chim thuần quen ở lại sau mới bay đi. Qua năm sau, kinh hoàn tất, nhân việc mừng vui, chim ấy lại bay đến thuần nhiều như trước kêu hót rõ ràng.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiên Đường, Sư tạo họa một ngàn pho tượng Phật, chim ấy lại bay đến đậu trên lưng người thợ, sau là thiết trai cúng dường kính mừng các kinh tượng. Đến giữa trưa hôm sau, lấy làm lạ vì chim không bay đến, Sư nhìn Sớm Sầm mà bảo rằng: “Chim đã không đến, Pháp Thành tôi không cảm, chẳng gồm các uế hạnh, đến nỗi có các điềm như thế.” Nói vừa xong, bỗng nhiên chim bay đến, xoay chuyển quanh, kêu hót trầm bổng, vào trong nước thơm nhảy nhót mà tắm, đến sau giờ ngọ, chim bèn bay đi. Trước sau có những việc như thế, chẳng thể ghi chép hết.

Sư vốn giỏi về bút mực, khắp cả Hương Khúc mọi người đều suy tôn như thế. Ở các nơi đường núi, vách hang đều khắc các bài kệ trong kinh, đều do nét bút của Sư. Sư tự tay viết chép kinh Pháp Hoa, đang để ở chỗ trống, vì có việc phải đi, chưa kịp gom cất. Gặp lúc mưa lớn tràn đầy sông ngòi khe rạch, bèn chạy đến xem mà cả bàn kinh đều khô, ngoài ra đều bị ngập nước. Sư từng nằm nghiêng trên cành thông, bị rơi xuống từ trên cao, chưa đến dưới khe nước, thì bất chợt vướng vào bờ cao, không tổn hại một mảy lông.

Lại nữa, bên cạnh phường Thanh Nê có một khám thờ Phật đã cũ, bị lấp vùi dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến nay vẫn chưa tìm được. Ban đêm, Sư mộng thấy ở xứ đó có tôn hình lớn. Sau khi tỉnh giấc Sư bèn đến khai phá, quả nhiên có được khám tượng cổ, vì trải qua năm tháng đã lâu nên đều bị hư hoại rách nát. Sư liền đến để sửa sang. Các hàng đạo tục đều ngợi khen. Đó đều là công phu của minh thuật, do chính Sư khai phát.

Vào những ngày cuối mùa hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, Sư chợt bị bệnh, tự biết sẽ qua đời, nên Sư nguyện sinh về cung trời Đâu-suất. Bèn xin nước tắm rửa xong, lại xin chuẩn bị kiệu và ở cạnh bên tự xem xét, không cho làm rục rở quá. Vừa đến lúc minh tướng xuất hiện của ngày cuối tháng, tự nhiên vô cớ Sư bảo rằng: “Muốn đến cửa vào, tôi không rảnh để đàn ca”. Và trông nhìn lại vị thị giả, Sư bảo rằng: “Tôi nghe các hành đều Vô thường, sinh diệt không ngừng nghỉ. Vãng sinh chín phẩm sen vàng, lời ấy thật ứng nghiệm. Nay có Đông từ đến đón rước đứng ngoài cửa đã lâu, nên tôi đi đây! Các ông, v..v... nên nghĩ nhớ Phật có chánh giới, không được khuyết phạm, sau cùng sẽ ăn năn hối hận!”. Nói xong, từ miệng Sư phát ra ánh sáng chiếu soi khắp trong nhà. Lại có mùi thơm lạ thoảng đến. Chỉ thấy Sư ngồi thẳng an nhiên tư duy, bất chợt Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi.

Sự tụng tập của Sư chỉ trong một mùa hạ, với Kinh Pháp hoa tính ra có đến năm trăm biến, thời gian còn lại Sư đọc tụng gồm cả thực hành thì được hai biến. Giả sử như có khách đến cần phải nói chuyện thì trừ trong kinh Bộ ra, Sư không nói điều gì khác. Lược tính năng lực chuyên cần của Sư trong vòng mười năm thì có hơn vạn biến.

11- Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô:

Thích Không Tạng, họ Vương, Tổ Tiên Sư ở xứ Tấn Dương, nay tức là Tân Phong thuộc Ung Châu. Lúc đầu, ngày mang thai, mẹ của Sư tự nhiên chẳng ăn các thứ rượu thịt, nếm thứ rau cay. Bấy giờ, cho là “Đồng Trần Thân Tử” nên thăm lấy làm lạ đó. Sau khi sinh ra Sư, linh giám ngày một tỏ bày, tình dụng cao xa, Sư đọc tụng kinh luận, tư duy chuyên cứu giúp.

Năm mười chín tuổi, Sư muốn xuất gia đồng như Phật, chỉ vì có một mình Sư, nên cha mẹ ngăn cản lưu giữ. Sư bèn đối trước cha, dùng thân tứ bố, suốt bảy ngày không đứng dậy. Cha mẹ lo sợ Sư tuyệt mạng mới đồng ý sở nguyện của Sư. Sư liền từ giã đi vào núi Phụ Nhi ở Lâm Điền, tự xuống tóc một mình. Lúc đầu, Sư mang theo sáu học mì để làm lương thực ăn trong một tháng. Mỗi ngày Sư ăn hai thăng mà suốt ba năm vẫn không hết. Sư từng cảm có Thần Đảnh tự nhiên hiện đến. Do đó, Sư càng tăng thêm công phu thiền tụng, sớm tối không ngừng nghỉ. Sau đó, Sư lại đến nương tựa Pháp sư Phán trụ chùa Long Trì. Sư kính trọng kinh luận, mỗi ngày tụng cả muôn lời, tính gồm tất cả trước sau

có hơn ba trăm quyển. Với các thứ như Tam Luận, Kinh Niết-bàn, Sư tham cứu thấu cùng hang ổ.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì tiếng tăm Sư vang vọng, nên các hàng đạo tục ở các nơi xa đều nghe biết. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường hưng thịnh, sùng hưng Pháp Vũ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) có ban sắc mời Sư đến phường Kim Thành, xây dựng chùa Hội Xương, và thỉnh mười tám vị Đại đức, Độ tăng xuất gia năm mươi vị, để dùng làm Trú Trì. Vì Sư đức hạnh sớm tỏ bày, nên lại thỉnh Sư trụ ở đó, mọi sự cúng dường càng lớn lao rực rỡ so với thường độ. Nhưng tánh Sư ưa ở chốn núi sông, chí thích thoáng rộng. Mỗi năm, đến tháng hai, Sư đi khắp cùng rừng đồi. Đi đến Ngọc Tuyền, Sư bèn nghĩ muốn trọn đời ở đó. Sư dừng ở chỉ khoảng một năm, Chúng tăng lại nhóm họp như núi. Sư giảng dạy dẫn dắt, quên cả mỗi mệt. Khai ngộ càng sâu rộng. Sau đó, bị hạn hán, các suối ở núi khô cạn, chúng tăng cả chùa đều than thở, Sư bèn dốc lòng cầu thỉnh, suối ấy liền có nước lại như cũ. Các hàng Đạo tục xa gần đều đổi sắc mặt cùng mừng vui. Sư lại gồm mở rộng tiết tháo như Nhạc Trí, khí cục tự xuyên thấu. Chẳng ưu nhiều bởi lợi danh, không nghĩ nhớ vì sủng nhục, cứu giúp các loài chẳng lược bỏ tác bóng. Sư bèn sao trích các câu văn cốt yếu trong các Kinh Đại thừa làm thành pho quyển, có riêng ba kinh, năm kinh, quyển bộ ba mươi, năm mươi, tất cả có được mười quyển. Mỗi lúc giảng khai rất nhiều thêm thành học. Văn và nghĩa đều trì, riêng không mê vọng. Đến lúc Hạ phân, Sư thường hành trì pháp sám Phương Đẳng. Ngàn Đức Phật ở kiếp Hiền mỗi ngày Sư lễ bái một biến, thường ngồi chẳng nằm suốt ba mươi năm, siêng năng chuyên chú khó thêm dấu vết.

Đến ngày mười hai tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ bảy mươi bốn tuổi. Di thân Sư an đặt bên cạnh chùa Long Trì, khâu nhật di cốt, xây tháp cúng dường. Xét về sự đọc tụng dồi dào của Sư thật ít người được như thế. Xét về lâu cốt của Sư thì hai tai thông minh, trên đỉnh đầu có hai lỗ, vành mắt có lỗ, mỗi bên có ba, các đệ tử, v.v... truy tìm những gì đã qua, dựng lập Văn Bia trong chùa Hội Xương, do Kim lục Đại Phu vệ úy Khanh Vu Chí Ninh soạn lời văn.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:

Thích Tuệ Thuyên, họ Tiêu, là con anh trai của Đặc Tấn Tống

Công Võ hiện nay. Cha của Sư làm quan giữ chức Lương Công đời Tùy. Ông nội Sư tức là Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, tánh độ rộng rãi đơn giản, ý chí cao vời, người cô của Sư là Hoàng hậu của Vua Dương Đế (Dương quảng 605-617) đời Tùy.

Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư thường ở trong cung, mến mộ ưa thích thoát tục mà không viết nhờ đâu để được thành đạt. Đến năm hai mươi tuổi, Vua bèn chọn Tần Hiếu Vương Nữ để làm vợ Sư. Đó chẳng phải là ước nguyện của Sư, do sự việc chẳng đáng dừng nên bấy giờ phải thực hành kết thành đôi lứa. Sau khi vợ qua đời Sư mới toại được tâm nguyện trước, lấy nhà họ Trịnh ở Đông Đô, để làm nơi xuống tóc. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư mới về lại kinh đô, trụ chùa Đại Trang Nghiêm, rộng nghe học các bộ, nhưng chỉ lấy Luận Nhiếp Đại Thừa làm tâm đắc. Sư rất ôm hoài thiên thập, giỏi về Thảo Lệ, hễ nét bút đặt để, đều lấy đó làm mẫu mực. Nên những lúc đề tựa kinh, Biển gạch chùa, mọi việc đều nhờ Sư. Anh của Sư làm chức Đông Cung Trung Xá, cũng là người rất được nêu cử Văn tài, cả triều đình đều chăm chú, mỗi năm các mùa xuân thu cùng dẫn nhau đến chốn núi non, xúc cảnh hứng thú để chương liền câu đồng vận. Lúc ấy là vấn nạn huynh đệ!

Lại có người em là Sa-môn Trí Chứng xuất gia ở chung, tức là con của Thái Phủ Khanh, anh của Sa-môn Tống Công. Qua sự tốt lành của Vinh vị, vui mừng nghĩ nhớ Đạo nghiệp, siêng năng tự theo thời khóa, không chọn sáng tối. Ngài Trí Chứng cùng người (Tức Tuệ Thuyên) lần lượt thị tịch. Vì gia đình đời đời tôn thờ Phật pháp siêng mở rộng Kinh Pháp Hoa. Đồng tộc trên dưới đều thành thực tụng đọc, cho nên sự mở mang Kinh Pháp Hoa của giòng họ Tiêu, các hàng Đạo tục đều khen ngợi rất dồi dào. Đặc Tấn soạn số, tất cả có hơn mười nhà, gặt hái thanh hoa, dùng cõi lòng để uốn nắn, khắc thành số quyển thường tự giảng dạy. Có lúc thỉnh mời các bậc danh tăng ở kinh đô chỉ cho những vết lụy, hoặc nhóm họp thân thuộc tăng ni gần mấy mươi vị, tùy theo thời để cấp ban tứ sự không thiếu sót, cho nên chỗ đến của Phong lục chỉ còn cứu giúp. Thái Phủ tâm tình tốt lành, lấy việc đọc tụng làm đầu. Nên từ lúc còn sống đến khi qua đời đọc tụng đến vạn biến, thúc giục người sao chép tất cả có ngàn bộ. Mỗi ngày đến triều tham thì sai người mang kinh đến trước. đến nơi công sự có được chút rảnh rỗi, liền đọc tụng. Triều đình kính ngưỡng cho là chẳng ai bằng. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, tởa vị càng xa, nhưng người tiếp thừa thọ trì đọc tụng ở đời ít có được người như thế. Nên giòng họ Tiêu xứng đáng

làm mẫu mực cho thiên hạ.

13- Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Truyền thuộc Ung Châu:

Thích Di Tục, không rõ Sư là người xứ nào. Khoảng đầu thời Tiền Đường, Sư đến ở nhà của Dương Lục ở làng Mỹ Tuyên, phía nam huyện Lễ Tuyên thuộc Ung Châu. Trấn thường cúng dường thanh kiệm ít ham muốn, Sư chỉ tụng Kinh Pháp Hoa lấy làm chánh nghiệp. Ngày đêm nối nhau đến số cả ngàn biến.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh sắp thị tịch, Sư dặn dò người bạn là Sa-môn Tuệ Khuếch rằng: “Suốt thời gian qua tụng tụng kinh, trong ý mong có được linh nghiệm. Vì sống trong mộng tục tín hưởng đến sự tốt lành, sau khi tôi chết, chẳng cần phải tắm liệm trong hòm rương, hãy để thi thể như vậy mà chôn, mười năm sau hãy phá ra, nếu chiếc lưỡi bị rã hoại thì biết là không thọ trì, nếu vẫn như lúc sống thì nên báo cho các hàng đạo tục xây dựng một ngôi tháp thờ để nêu bày cảm linh!”. Nói xong, Sư liền thị tịch. Bèn y theo lời Sư mà an táng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, ngài Tuệ Khuếch cùng những người có biết ngày trước đến chỗ mộ đào lên thì thân thịt đều tiêu tan, chỉ còn chiếc lưỡi không thối rữa. Các hàng sĩ nữ cả huyện đều cùng nhau kính ngưỡng truyền nhau, lưu tỏa việc trì tụng lại gấp bội hơn thường. Bèn làm hộp để tôn trí chiếc lưỡi đó, đưa đến sườn núi phía nam Cam Cốc, thuộc phía Bắc thôn Dương Lục, xây tháp gạch để phụng thờ, các hàng thức giả tôn nghiêm càng lớn mạnh, tin kính đọc tụng càng nhiều.

Lại có Sử Ha Đam ở thôn Sử, thuộc phía Nam Phước Thủy, làng Phong Cốc thuộc phía Tây Nam Kinh thành, từ thuở nhỏ ông luôn nghĩ nhớ niệm lành, thường đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hành trì hạnh An Lạc, từ nhẫn luôn ở trong tâm, chẳng cưỡi các loài súc vật. Lấy hư không làm tâm, danh đượm lệnh sử, qua lại Kinh Tỉnh. Vì tướng tụng tập sợ giữa đường gặp người quen biết. Nhân sự ấm lạnh, bèn phế bỏ việc tụng, nên sự hành trì của ông hẳn là nhỏ tắt, nơi tả đạo thấp khí vui vẻ đáng mặt duyên niệm nối nhau. Lúc đầu không hề bảo là mỗi một, đến lúc qua đời cảm có mùi hương lạ, bèn an táng. Sau đó, mười năm, người vợ của Sử-ha-đam) cũng qua đời, bèn mở thi thể ông ra thì chiếc lưỡi vẫn còn sáng sạch. Ngoài ra các thứ đều thối rữa, mới nêu bày an táng riêng.

Lại nữa, ở chùa Tùy Hoa thuộc Hoàng Châu có Sa-môn Huyền Tú, tánh tình cẩn trọng ôn hòa, khiêm cung là ý chí. Sư luôn đọc tụng Kinh Pháp Hoa và có cảm điềm lành. Nhưng chưa lấy đó làm lạ. Bấy giờ, gặp

lúc nắng nóng, đồng bạn của Sư tìm đến chỗ mát, bèn sai người mời Sư đến muốn cùng nói cười. Khi người ấy đã đến trước phòng Sư, chỉ thấy vũ vệ nghiêm túc, người ngựa cao lớn, người ấy khiếp sợ mà lui báo, mọi người đến xem thì thấy vẫn như trước không khác. Chuyển đến cửa sau thì chúng ấy càng đông, nhìn lên hư không thì bít lấp không chút khoảng trống, phần nhiều là cưỡi voi ngựa, tạp loại quỷ thần, mới biết là Sư có được sự cảm thông, bèn đặt để rồi lui. Sáng hôm sau hổ thên đến sám hối. Bạn theo bèn dứt bật. Sư bèn chuyên theo hạnh nghiệp ấy. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa.

14- Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La Hán ở kinh đô:

Thích Bảo Tướng, họ Mã, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, trong trắng trình thuần, gá đức, trụ chùa La-hán, chuyên nghe giảng Luận Nhiếp Đại Thừa, tư duy sâu xa về vọng thức khó nhiếp phục, không lúc nào chẳng râm rỉ. Đến lúc Sư vào Thiền phương, chuyên tu hạnh đầu-đà để tự lắng tĩnh. Mỗi ngày sáu thời lễ sám suốt hơn bốn mươi năm. Ban đêm tự đốc chí với thời khóa trì tụng Kinh A-di-đà bảy biến, xưng niệm danh hiệu Phật sáu muôn biến. Ban ngày thì đọc Kinh tạng, không lúc nào tạm bỏ. Về sau, Sư chuyên đọc Kinh Niết-bàn có đến một ngàn tám mươi biến và tụng cả Kinh Kim Cương Bát-nhã cho đến trọn đời. Thân Sư không hề có chút bệnh nã, khỏe mạnh hợp tập, ăn đồ mặc thô, thì thứ gì ăn được cũng dùng, tình Sư không sợ khổ nhọc, lại chí thường chuyên chánh nghiệp, chí thành chăm chú suốt đêm ngày. Chấy rận bò khắp nơi thân còn không rảnh để bắt. Gặp lúc hoạn nạn sắp cùng cực, Sư vẫn niệm tụng không bỏ. Khắc định đến kỳ hạn lớn, Sư căn dặn các hàng Đạo tục lấy việc niệm Phật làm đầu, tướng tốt Tây phương chờ đợi, chớ sống luống uổng qua ngày. Lại căn dặn nên thiêu đốt nhục thân Sư, chớ nhọc làm bia minh mộ thấp theo bụi trần dong tục. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi hai hạ lạp. Sư không chứa để một chút tài vật, chẳng nhọc tăng pháp.

Lại nữa, ở cùng chùa có Sa-môn Pháp Đạt, do sự chân thực thuần tố mà được tôn xưng, mọi sự cúng dâng đều dùng vào việc viết chép Kinh Hoa Nghiêm, tám bộ Kinh Bát-nhã. Sư đốt hương tự đọc tụng hơn một trăm biến. Lúc còn sống Sư thường thanh khiết, chẳng nuôi dưỡng môn nhân, một mình tự vui vẻ, ăn không gì ngoài cơm gạo. Đó cũng là bậc Cao sĩ khinh thanh. Năm bảy mươi tuổi, Sư bèn tặng các kinh thường tụng đọc cho các bạn Đồng hành. Chỉ bưng theo một Bộ Thắng

Thiên Vương để làm sống trọn tuổi già, xả bỏ công danh, tìm đến nơi mây rắng trong núi non, bí duyên tiền đưa sự chết, trải qua bốn năm Sư bèn thị tịch tại núi ấy.

Trên đều là những truyện chính mắt trông thấy. Hơn nữa, những truyện đọc tụng được chứng cảm số ấy rất nhiều, nhưng đều có ghi truyện riêng, nên chẳng thuật lại hết, chỉ nêu dẫn vài điều, để chỉ bày ánh sáng tiếp nối.

Luận rằng: Hễ lấy đọc tụng làm hạnh nghiệp, chuyên nghiên cứu bốn văn. Kinh khen ngợi giảng nói hạnh, cốt yếu trước phải thọ trì đọc tụng. Vì sao? Vì do ngu thức chưa rạch ròi, nên phải nương gá Văn trì. Tre núi chưa chặt, làm sao tiếng Phụng rõ bày? Nghĩa đáng mới lên, vừa xuống tóc thì phải xem thông, hái chước kinh vĩ, tìm tận cùng danh lý, nghi ngại tạp lục, đờn kếp xuất sinh, xem khắp trước mắt, thuyên phẩm người đời. Sau đó, cần ước pháp cú, tụng trấn tâm thần, nói rộng về duyên bốn, dùng sơ qua mê kết, bèn có thể xuyên suốt cội cành, xua tan nghi trệ để thông hóa, gồm lược huyền chỉ, nương gá sự dùng để trừng trị. Nên trong kinh có nói rằng: “Thọ trì, đọc tụng, viết chép, giảng nói đúng như Pháp tu hành. Đó thật là sự răn dạy. Ở đời phần nhiều biếng nhác học hỏi, ngu chấp bị bí lấp, lấy tìm lý làm các Kiến chấp, bị Văn rộng làm chướng Đạo, nên Điều-đạt, Thiện Tinh rộng thông dồi dào chưa thoát khỏi đọa lạc địa ngục Nê-lê. Bàn đặc mỏng nhạt ít bị trói buộc, chuộng tham dự ở trung Thánh. Phàm những nghị bàn ấy, chưa thành Thông luận. Sư dấy khởi của chướng Đạo, khởi lên ở tâm hành. Đạo ở nơi không vướng mắc, vướng mắc là Chướng Đạo, làm sao có học rộng làm chướng Đạo? Nghe vốn là giải thích, bí gá không thực hành, ấy chính là dính mắc ngón tay mà quên mặt trăng, thật là trái với pháp xuất yếu vậy. Do đó, những người tầm thường ngay nơi một kế, không ai chẳng học, đã chưa công phu nên tùy lời mà chấp trước kinh Luật Luận, ngay đời sống này chưa từng đượm nhuần. Hoặc vọng phát tâm, thề chẳng cầm kinh sách. Như thấy người học giáo lý thì tự cho đó là văn tự, nên khiến nước Mạn che lấp tâm. Bệnh mù lòa ai trừ? Cho đến như quyết đoán Thiên tự, phân biệt chân ngụy, xưa nay chưa biết, sự việc còn hơn cả điếc mù. Đã xấu hổ đến hỏi, trở lại khai mở làm sao trình bày? Bèn ngay Duy tâm ức đoán, chìm nổi, không chuẩn định. Bên cạnh vì người mở, sao gấp như trước. lại có người chỉ đọc qua loa vài pho quyển, lược tụng vài chương ngắn, bèn cho là dừng đủ, trọn tuyệt mừng trọn. Bèn dẫn các Kinh như Đại Tập, Pháp hạnh, Tỳ-kheo Thập-trụ, chẳng quý đọc nhiều. Trộm cho rằng giáo môn rộng lớn để

đối trị trần lao, thuốc bệnh còn ném bỏ, đầu nhọc chứa để cho nhiều. Mục đích lập ra Tạng bộ là vâng giữ, nghe mà không y cứ, xét lường chẳng phải một. Nay, tư tưởng điên đảo như cỏ lan tràn, Mạn Ngã như núi đứng sừng sững. Cần giúp đọc xem rộng, thấy có khả năng rộng trị, tùy cảnh lưu quán, mục đích là dứt bỏ gốc vương mắc. Chỉ vì nhận thức mờ tối chưa nảy mầm, tập huân giải đãi kết cấu, xứng tình mờ tối đảo điên, trái phước thành tội. Cho nên ở Trung Quốc thấy ghi quyển chỉ có sáu ngàn, còn sợ chẳng mong đủ bít lấp mê. Đầu luận bàn ở Thiên trúc Di Điển long tàng hiện Kinh. Dám mướn mộ trộm cầu thông xem nghe như biển, phải có khả năng truy tìm công phu. Khởi quán còn không rảnh tìm rộng, phải nhỏ bỏ vòng khổ mới nghe được làm trang sức. Đó là trang nghiêm đạo luận tuệ giải dẫn đầu. Chẳng đợi đề nén hay nâng bốc, tự nhiên hiểu lý. Lại có người quanh co, nịnh hót lời Phật, giả dối học Luận, bèn nói “Luận làm Tiểu Thánh, nói lời ẩn mật, khắc thuận phác tán, đạo vị đã lìa, nên ta tụng trì không có tâm ngộ nhập.” Lời đó là thế nào ư? Vọng có xuyên tạc, vốn là, Chư Phật nói Pháp, vốn chỉ có Đạo, tiếp phó Phạm tiểu, phương tiện nương quyền, Quyền Đạo lấm mư, tùy cơ mà hiện. Hoặc dùng tiếng tăm ánh sáng mà chuyển động, hoặc dùng oai dung mà cổ xúy. Pháp và thí loạn nêu, duyên sự cùng mở khai. Lấy sự ngộ đạt làm lời gốc, lấy sự quên nôm làm được ý. Chỉ vì cách Thánh lâu xa, thời vận tiếp nhận trôi nổi, chỉ quý báu văn từ, ít hội thông u chỉ. Do đó, các Thánh Đại tiểu buồn xót Đại Đạo sắp băng hoại, nên rộng thấu thập Liễu Nghĩa soạn thuật Minh luận, lấy làm Thông giáo. Nên trong Văn có nói rằng: “Tùy theo lời tiếng mà chấp nghĩa có năm lỗi, đó là: phỉ báng Phật, khinh thường Pháp, lừa dối ngữ, lui sụt niềm tin.” Lời ấy rất! Chẳng lường xét thần phủ của chính mình mà liền so sánh với Thành giáo. Sánh với Phật mà xem thường Hiền Thánh. Ghét thương do đó mà sinh khởi. Than ôi! Các Bạn Pháp làm sao tỏ rõ! Vả lại, Hạ ốc chẳng tan bởi gỗ quý ấy làm thành. Đại trí đâu phải ngu tình cấu kết nên? Phải thông ngay nơi chỗ vương mắc, phải tỏ ngộ từ chỗ mê lằm. Nếu không như thế thì bậc Chí Thánh do đâu mà khởi bi, hàng Chánh Sĩ do đâu mà thông hóa? Sự việc tiếp nối duyên nơi Bốn Kỳ, nên chẳng rộng bày.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

Quyển 28 hết.